

# CẢM XÚC MÙA THU

(Thu hứng)

(1 tiết)

ĐỖ PHỦ

## I — MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Cảm nhận được lòng yêu nước, tình cảm quê hương sâu nặng của Đỗ Phủ trước cảnh một chiều thu buồn nơi đất khách.

– Thấy được tính chất đặc biệt hàm súc của bài thơ qua việc khai thác các tầng ý nghĩa của các từ ngữ, câu, hình ảnh tiêu biểu trong việc biểu hiện tình cảm nói trên.

– Qua việc tiếp nhận văn bản, củng cố những kiến thức đã học về hình thức và đặc điểm nghệ thuật của thơ Đường luật.

## II — NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

### 1. Về hoàn cảnh sáng tác bài thơ

Bài thơ được sáng tác năm 766, tức sau khi sự biến An – Sử kết thúc ba năm và chỉ bốn năm trước khi nhà thơ qua đời. Sự biến đã chấm dứt nhưng nhà Đường vẫn trên đà suy thoái, các ngoại tộc (Thổ Phồn, Hồi Hột – có chỗ phiên âm là Hồi Ngột) quấy nhiễu biên cương và thường xuyên đột nhập, bọn phong kiến quân

phiệt đua nhau cát cứ, uy hiếp triều đình. Mới năm mươi lăm tuổi song nhà thơ luôn đau yếu. Nghiêm Vũ, một người bạn thân của Đỗ Phủ có quyền thế ở Thành Đô (thủ phủ tỉnh Tứ Xuyên) qua đời. Mất chỗ nương tựa, nhà thơ đưa gia đình theo sông Trường Giang về đông, tìm cơ hội quay về quê quán ở phương Bắc, song giữa đường gặp trắc trở phải ở lại Quỳ Châu. Trong mấy năm tạm trú ở Quỳ Châu, Đỗ Phủ làm khá nhiều thơ, trong đó có chùm thơ *Cảm xúc mùa thu* nổi tiếng. Nếu trong thời kì chiến loạn An – Sử, Đỗ Phủ viết được nhiều bài thơ tự sự dài theo thể cổ phong phản ánh trực tiếp những sự kiện lớn của đất nước thì ở thời kì này, ông thiên hẳn về hướng bộc lộ tâm trạng đau buồn bằng những bài tuyệt cú và luật thi cô đọng.

## 2. Về vị trí bài *Cảm xúc mùa thu* số 1 trong chùm thơ *Cảm xúc mùa thu*

*Cảm xúc mùa thu* gồm tám bài, trong đó bài số 1, với tứ thơ chủ đạo "thân ở Quỳ Châu, lòng tại Trường An" (thể hiện qua câu "Con thuyền buộc chặt mối tình nhà"), được coi là cương lĩnh của cả chùm thơ. Vương Tự Thích, nhà nghiên cứu thơ Đường nổi tiếng của Trung Quốc, nhận định : "Bài thơ này đã bao quát cả bảy bài sau, mà *nổi lòng quê cũ* là chỗ *vẽ rồng chấm mắt*". Ở Việt Nam xưa, các cô đào trước khi ca bài *Tì bà hành* của Bạch Cư Dị, thường ca bài *Cảm xúc mùa thu* số 1 của Đỗ Phủ như một khúc tiền tấu.

## 3. Về phương pháp dạy - học

Phần lớn các tài liệu giới thiệu về thơ Đường hiện có ở Việt Nam đều chia một bài thơ bát cú thành bốn phần : *đề, thực, luận, kết* và quy chức năng cụ thể cho mỗi phần đó một cách chặt chẽ. Thực ra, quan niệm này chỉ xuất hiện vào thời Thanh, do đó, không thể dùng như một công thức cứng nhắc để phân tích mọi bài thơ bát cú Đường luật. Theo Phơ-răng-xoa Trình, nhà kí hiệu học nổi tiếng người Pháp gốc Trung Quốc, có thể chia một bài bát cú thành ba phần : hai câu đầu, bốn câu giữa, hai câu cuối. Theo Phạm Tú Châu, nhiều bài thơ bát cú thời Lí – Trần có thể chia làm hai phần : phần đầu gồm sáu câu, phần thứ hai gồm hai câu. Tuy nhiên, quan niệm phổ biến nhất và phản ánh đúng nhất thực tiễn sáng tác của phần lớn thơ bát cú Đường luật là quan niệm chia thành bốn phần như đã trình bày và quan niệm chia thành hai phần (thượng bán tiết – còn gọi là *tiền giải* : phần trên và hạ bán tiết – còn gọi là *hậu giải* : phần dưới). Kim Thánh Thán, nhà phê bình văn học nổi tiếng sống ở giai đoạn cuối thời Minh đầu thời Thanh, là người đề xuất quan niệm sau và đã vận dụng triệt để quan niệm ấy trong việc phân tích hàng trăm bài bát cú Đường luật. Cuốn *Đường thi* của học giả Trần Trọng Kim

viết năm 1944 cũng tán thành quan niệm của Thánh Thán. Tóm lại, cần căn cứ vào thực tế từng bài thơ để chọn phương án thích hợp.

Với tất cả các bài thơ bát cú của Đỗ Phủ đã từng được dạy ở THPT (*Lên cao, Trông xuân, Cảm xúc mùa thu*) cũng như *Lầu Hoàng Hạc* của Thôi Hiệu, chỉ có thể vận dụng quan niệm của Thánh Thán mới phù hợp.

### III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

#### 1. Phần mở đầu

Có thể dùng các ý sau để giúp HS thấy được ngay vị trí của nhà thơ Đỗ Phủ :

– Đỗ Phủ là nhà thơ đã được Hội đồng Hoà bình thế giới kỉ niệm như một danh nhân văn hoá.

– Đỗ Phủ là nhà thơ được nhân dân Trung Quốc mệnh danh là "thi thánh" (thánh thơ).

– Nguyễn Du đã tôn vinh Đỗ Phủ là "Thiên cổ văn chương thiên cổ sự" (Bậc thầy muôn đời của văn chương muôn đời).

– Đỗ Phủ là nhà thơ đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc tới trong *Di chúc* và đánh giá là "một người làm thơ rất nổi tiếng".

#### 2. Phần tổ chức dạy học

Trước khi hướng dẫn HS phân tích các vấn đề nêu ra ở phần *Hướng dẫn học bài*, cần dựa vào phần *Tiểu dẫn* ở SGK và phần *Những điểm cần lưu ý* ở SGV để nhấn mạnh một số điểm cơ bản về tác giả, tác phẩm. Có thể kiểm tra HS về bài *Bài ca nhà tranh bị gió thu phá* của Đỗ Phủ đã học ở lớp 7. Lưu ý HS, *Cảm xúc mùa thu* là bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật của Trung Quốc lần đầu được học, do đó cần vận dụng những kiến thức về thơ Đường luật để phân tích ; ngược lại, học bài thơ này, một bài thơ Đường luật tiêu biểu, sẽ củng cố thêm những hiểu biết về thơ Đường luật nói chung. *Cảm xúc mùa thu* là một bài thơ rất nổi tiếng, song cũng như hầu hết các bài thơ cổ có giá trị viết theo thể loại này, không dễ lí giải và tiếp nhận do tính chất đặc biệt cô đọng của nó, không kể khoảng cách về không – thời gian, sự khác biệt về hoàn cảnh xã hội và những giới hạn do hàng rào ngôn ngữ tạo nên. Bài thơ chỉ gồm 56 chữ nhưng nếu vượt qua được những trở ngại trên, mỗi HS sẽ tự cảm thấy đã trưởng thành về khá nhiều mặt.

### *Câu hỏi 1*

Mục đích của câu hỏi này là giúp HS chỉ ra được đặc sắc của cảnh thu được miêu tả và qua đó, có thể bước đầu liên tưởng tới cảnh ngộ của nhà thơ, hình bóng của xã hội đương thời.

– Ở cặp câu thứ nhất (tức "liên thứ nhất", "liên đầu", ta quen gọi là hai câu *đề*), chỉ với vài nét chấm phá quen thuộc của thơ Đường, tác giả đã lột tả được cái thần của một chiều thu ở Quỳ Châu. Bản dịch thơ đã tái hiện được cảnh thu buồn bã ("[...] rừng phong hạt móc sa - Ngàn non hiu hắt, khí thu loà") song có thể cho HS thấy trong nguyên văn, không khí còn ảm đạm hơn nhiều. Trong thơ cổ Trung Hoa có rất nhiều hình ảnh mang tính chất biểu tượng : *sương móc* là tượng trưng cho mùa thu, cho sự lạnh lẽo ; *cây phong* cũng tượng trưng cho mùa thu (thu về, cả rừng phong đỏ ủa hoặc vàng ủa), cho sự li biệt ("Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san" – *Truyện Kiều*). Ở câu thứ nhất, trong nguyên văn, sương móc không phải "sa lác đác" mà hẳn phải dày đặc mới có thể làm "tiêu điều, thương tổn" ("điều thương") được cả rừng phong ; rừng phong không phải là danh từ làm trạng ngữ chỉ nơi chốn mà là *đối tượng* bị sương móc vùi dập một cách tàn nhẫn. Ở câu 2 của bản dịch, chữ "loà" cùng với từ "hiu hắt" chỉ phần nào lột tả được thần thái của hai chữ "tiêu sâm" (tối tăm, ảm đạm) trong nguyên văn ; chữ "ngàn non" thay thế cho hai danh từ riêng (Vu sơn, Vu giáp) khiến bản dịch dễ hiểu song lại làm mờ nhạt bản sắc của phong cảnh Quỳ Châu đương thời. Thiên *Sông ngòi* ở cuốn *Thủy kinh chú* thời Lục triều miêu tả : "Suốt cả vùng Tam giáp (Vu giáp, Cù Đường giáp, Tây Lăng giáp) dài bảy trăm dặm, núi liên tiếp đôi bờ, tuyết không có một chỗ trống. Vách đá điệp trùng che khuất cả bầu trời, chẳng thấy cả ánh nắng mặt trời lẫn ánh sáng trăng". Cả lúc trời tạnh, cảnh Vu giáp còn tối tăm ảm đạm như thế ; chiều thu hẳn càng tối tăm ảm đạm ; qua lăng kính nhà thơ, lại tối tăm ảm đạm bội phần !

– Nếu ở cặp câu thứ nhất, hướng nhìn của nhà thơ di chuyển từ rừng núi xuống lòng sông và bao quát theo chiều rộng thì ở cặp câu thứ hai (tức "liên thứ hai", "liên cầm", ta quen gọi là hai câu *thực*), hướng nhìn lại chuyển từ lòng sông lên vùng quan ải và quét theo chiều dọc. Nếu ở hai câu trên, cảnh sắc đằm màu bi thương, tàn tạ thì cảnh sắc ở đây lại có phần vừa hoành tráng, vừa dữ dội. Hai cặp câu như bổ sung cho nhau, lột tả được hai nét đặc sắc của phong cảnh vùng Vu sơn, Vu giáp vốn cũng vừa âm u, vừa hùng vĩ, mặt khác, thể hiện đầy đủ những nét cơ bản trong phong cách của thơ Đỗ Phủ ở giai đoạn cuối đời : trầm uất, bi tráng. Dẫu vậy, xét riêng cặp câu thơ này, nét bi thảm vẫn lẫn át mặt hoành tráng.

Hãy tưởng tượng xem phần không gian dành lại cho con người đã bị dồn ép tới mức nào, ngột ngạt và bất an đến dường nào giữa những làn sóng vọt tận trời cao và những làn mây gió cuốn sa sầm giập mặt đất ! Các chữ "rợn" và "đùn" ở bản dịch đã truyền đạt thành công không khí hãi hùng của khung cảnh song vẫn khó thể hiện được trọn vẹn ý nghĩa của nguyên tác. "Đùn" là bị đẩy từ trong ra hay *từ dưới lên*, do đó, bản dịch làm cho người đọc cảm nhận sóng và mây vận động *cùng chiều* trong khi ở nguyên tác, chúng vận động *ngược chiều*. Có vận động ngược chiều mới lấp kín không gian, gây ấn tượng xao động dữ dội và nghẹt thở.

Tóm lại, ở bốn câu thơ đầu, tuy tác giả hầu như chưa nói tới cảnh đời, song phải chăng nó đã thấp thoáng ẩn hiện sau hình ảnh những cánh rừng phong điêu tàn vì sương móc vùi dập, cảnh đất trời đảo lộn trên sóng nước Trường Giang và qua mây mù vùng quan ải ? Đứng trước cảnh sắc ấy, một nhà thơ như Đỗ Phủ làm sao không nhớ về quê cũ được ?

### **Câu hỏi 2**

Mục đích của câu hỏi này là giúp HS thấy được tâm trạng đau xót, lòng yêu nước thương nhà của nhà thơ và ý nghĩa điển hình của tâm trạng đó.

Theo Kim Thánh Thán, ở những bài thơ bát cú chia làm hai phần, phần trên thường nặng cảnh nhẹ tình, phần dưới thường nặng tình nhẹ cảnh. Nếu ở phần trên của *Cảm xúc mùa thu*, ta hầu như không thấy bóng người (dĩ nhiên vẫn có tình người ẩn chứa trong từng câu chữ và hình ảnh) thì ở phần dưới, con người và tâm trạng nhà thơ bộc lộ rõ nét hơn.

– Hai câu 5 và 6 (tức "liên thứ ba", "liên cổ", ta thường quen gọi là hai câu *luận*) được xem là tiêu biểu cho tinh thần của *Cảm xúc mùa thu* số 1 và ba chữ "cố viên tâm" (ở câu 6) lại được coi là những "chữ mắt" (nhãn tự), tức nơi tập trung linh hồn của cả chùm thơ *Cảm xúc mùa thu*. Cần liên hệ với hoàn cảnh sáng tác bài thơ để phân tích hai câu thơ này. Đỗ Phủ có "vườn cũ" (cố viên) ở Lạc Dương nên "nổi lòng quê cũ" trước hết là nỗi nhớ Lạc Dương, nỗi nhớ Đông Đô, một trong những kinh đô của không ít triều đại Trung Quốc. Song đặt trong văn cảnh của cả chùm thơ (cả bảy bài sau chỉ nói đến nỗi nhớ *Trường An*, còn gọi là Tây Đô, *kinh đô nhà Đường*) cũng như hoàn cảnh sáng tác, nó còn bao hàm một ý nghĩa rộng lớn hơn, là biểu hiện của lòng yêu nước kín đáo của nhà thơ.

Hai câu này được người đời sau nhất trí xem là *danh cú* xét cả về mặt tiêu biểu cho thi pháp thơ Đường. Ở đây, tác giả đã *đồng nhất* nhiều sự vật và hiện tượng : tình và cảnh (nhìn hoa cúc nở mà trông như xoè ra những cánh hoa bằng nước mắt),

hiện tại và quá khứ (giọt lệ hiện tại cũng là giọt lệ của quá khứ gần (hai năm qua, kể từ ngày tới Quỳ Châu) và quá khứ xa (trước và trong chiến loạn An – Sử), nhà thơ đã khóc, thậm chí đã "khóc đến rỏ huyết" trước những đau thương của gia đình và dân chúng, trước cảnh đất nước bị tàn phá), sự vật và con người (dây buộc thuyền cũng là dây thắt lòng người lái). Chiến loạn An – Sử chỉ diễn ra trong tám năm song dân số Trung Quốc chỉ còn một phần ba ! Không chỉ con người bị huỷ diệt mà thiên nhiên cũng bị tàn phá ; tuy nhiên, nói "hoa nhỏ lệ" là gợi cảm nhất vì hoa là biểu tượng của niềm vui và vẻ đẹp. Đến "hoa" mà còn "nhỏ lệ" thì còn gì, còn ai có thể vui tươi nữa ! Đúng ra, câu thơ phải dịch là "nở ra (những cánh hoa bằng) nước mắt". Có thể hiểu *khai* là *làm nở ra, làm tuôn rơi* những dòng nước mắt. Hoa đáng lí làm cho người ta vui, nay lại làm cho con người thêm buồn. Chữ *tha nhật* (trong nguyên tác), theo *Từ nguyên*, có hai nghĩa : "tích nhật" (ngày trước) và "hậu lai" (về sau), song hầu hết, căn cứ vào văn cảnh, đều cho là chỉ *ngày trước, những ngày đã qua*. Trước cảnh thu buồn, hồi ức về những nỗi đau trong quá khứ đã tập kết về thời điểm hiện tại và đọng lại trên những nhành hoa. Bởi vậy, câu thơ dịch "Khóm cúc tuôn thêm dòng lệ cũ" của Nguyễn Công Trứ là rất đạt. *Chiếc thuyền lẻ loi* (cô chu) là một ẩn dụ đích đáng không chỉ vì tính chất trôi nổi, đơn độc của nó mà còn vì nó là phương tiện duy nhất để nhà thơ gửi gắm vào đó ước vọng về quê, là chiếc "nhà nổi" của Đỗ Phủ trên con đường chuyển dịch về phía đông để kiếm cơ hội hồi hương.

- Hai câu thơ cuối (tức "liên thứ tư", "liên đuôi", ta quen gọi là hai câu *kết*) đã kết thúc bài thơ một cách đột ngột mà vẫn bao hàm nhiều dư vị. Đột ngột vì tác giả không bộc lộ trực tiếp cảm xúc chủ quan như những câu kết thường lệ mà lại quay về tả những cảnh thực ngoài đời : không khí tấp nập của mọi người nô nức may áo rét (câu 7) và âm thanh vang động của tiếng chày đập vải, đập áo để chuẩn bị đối phó với mùa đông tới gần (câu 8). Trong thơ cổ Trung Hoa, tiếng chày đập vải, nhất là về chiều và đêm, là một hình tượng âm thanh đặc biệt, có sức gợi cảm rất lớn. "Tiếng đập áo của muôn nhà" có thể làm cho người chinh phụ xao xuyến nghĩ tới người thân nơi "quan ải" (thơ Lí Bạch), "Nghe tiếng chày ban đêm" có thể khiến cho "sáng mai đầu bạc phau" vì "mỗi tiếng chày nện xuống là thêm một sợi tóc trắng như tơ" (thơ Bạch Cư Dị). Bởi vậy, tiếng chày chiều hôm cấp tập ở đây không làm cho khách xa xứ vui lây mà chỉ càng làm thêm náo lòng.

- Cần cho HS hiểu cách cảm nhận về mùa thu ngày xưa, đặc biệt là ở một số nước phương Đông, có một số điểm khác chúng ta ngày nay. Không phải ngẫu nhiên *sầu* trong chữ Hán là do ghép chữ *thu* và chữ *tâm* lại mà thành (*thu tâm* :

nỗi lòng về mùa thu) ! Biểu hiện cảm xúc trước cảnh thu là một đề tài muôn thuở của thơ ca. *Cảm xúc mùa thu* là một bài thơ buồn nhưng không bi lụy. Thời tráng niên và trung niên, nhà thơ đã từng quyết tâm "Giúp vua vượt Nghiêu – Thuấn - Khiến cho phong tục thuận" song bây giờ tất cả đã thuộc về dĩ vãng ! Sự sa đoạ của triều đình, chiến tranh phong kiến đủ loại đã đẩy con người có tráng chí ấy về tận góc trời xa thẳm và con người ấy, ngày đêm chỉ còn ôm ấp một hi vọng mỏng manh là được trở về quê cũ. Hẳn ước mơ của Đỗ Phủ cũng là ước mơ của bao người dân nghèo khổ lưu vong đương thời. Bởi vậy, *bài thơ tuy không miêu tả trực tiếp tình hình xã hội nhưng vẫn chan chứa tình đời và có ý nghĩa hiện thực sâu sắc.*

### **Câu hỏi 3**

Mục đích của câu hỏi này là giúp HS chứng minh được tính chất chặt chẽ của kết cấu bài thơ trong việc thể hiện chủ đề.

Tính chất chặt chẽ đó trước hết thể hiện ở bề mặt, tức ở bố cục. Ta đã làm một phần điều đó khi chứng minh mối quan hệ giữa phần một và phần hai của bài thơ. Có thể đi sâu thêm phương diện này bằng cách chỉ ra mối quan hệ giữa các cặp câu trong một phần và giữa các câu trong một cặp. Ví dụ, nếu ở câu 3, tác giả tả bao quát cảnh trên mặt đất (Vu sơn) lẫn dưới dòng sông (Vu giáp) thì sau đó, ở cặp câu 2 và 3, bên cạnh một câu thơ tả cảnh trên mặt đất (*tái thượng, tùng cúc*) là một câu tả cảnh dưới dòng sông (*giang gian, cô chu*),...

Trọng điểm ở đây là chứng minh tính chất chặt chẽ về mặt cấu tứ. Như câu hướng dẫn đã gợi mở, cần cho HS chứng minh rằng ở bài *Cảm xúc mùa thu*, bất cứ cặp câu thơ nào cũng bám chặt chủ đề, tức đều thể hiện hai yếu tố "cảm xúc" và "mùa thu" (dù rằng yếu tố *cảm xúc* ở phần đầu phải qua phân tích mới chỉ ra được). Sương thu, rừng thu (không ai tả rừng phong vào mùa khác), sắc thu (màu rừng phong đỏ ủa hoặc vàng ủa tương phản với màu trắng của sương móc ; lưu ý : thơ Đường luật kỵ trùng chữ ở khác dòng, nên đáng lí viết "bạch lộ", nhà thơ đã dùng "ngọc lộ" vì câu cuối đã có chữ *bạch*), khí thu, gió thu, sông thu, hoa thu (*cúc* là biểu tượng nổi bật nhất của mùa thu, tới mức khi nói "một hành thu" có nghĩa là "một hành cúc" và ngược lại, nói "cúc nhật" có nghĩa là "mùa thu"), tiếng thu (tiếng chày đập áo),... tóm lại cả thân thái của mùa thu, hồn thu đã hiện về trong *Cảm xúc mùa thu*. Đó là một chiều thu cụ thể, đích thực của Quỳ Châu ; qua phân tích và cảm nhận nữa, ta không khó hình dung ra tình cảnh, nỗi lòng của một con người cụ thể ở giai đoạn xế thu của cuộc đời và sống trong một thời điểm cụ thể, cũng có thể nói là xế thu của một triều đại được coi là hùng mạnh vào bậc nhất của lịch sử phong kiến Trung Hoa.

### 3. Phần củng cố

– *Cảm xúc mùa thu* số 1, với tứ thơ chủ đạo "thân ở Quỳ Châu, lòng ở Trường An" được coi là cương lĩnh của cả chùm thơ tám bài *Cảm xúc mùa thu* của Đỗ Phủ sáng tác trong thời gian nhà thơ sống trôi dạt ở vùng tây nam của Trung Quốc, cũng được coi là một trong những bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật hay nhất ở thời Đường.

– Bài thơ tái hiện một cảnh thu buồn hiu hắt, xao động, mang những nét đặc trưng của núi rừng, sông nước, cây cối, cuộc sống ở Quỳ Châu dưới cặp mắt của khách tha hương Đỗ Phủ.

– Qua cảnh sắc thu đó, người đọc có thể liên tưởng tới cảnh ngộ đau buồn của nhà thơ và hình bóng tang thương của xã hội đương thời. Lời của Đỗ Phủ cũng là "lời chung" nên tâm trạng nhà thơ ở đây mang một ý nghĩa điển hình sâu sắc ; bài thơ tuy không miêu tả trực tiếp tình hình xã hội vẫn có ý nghĩa hiện thực rộng lớn.

– Bài thơ đã đáp ứng mọi yêu cầu gắt gao của thơ Đường luật. Bởi vậy, qua việc tiếp nhận bài thơ, HS có thể củng cố được tất cả những kiến thức đã học về hình thức và đặc điểm của một thể thơ cổ vừa quen thuộc vừa xa lạ đó.

## IV — HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI TẬP NÂNG CAO

Điều đầu tiên cần nhấn mạnh : đây không phải là chuyện "bối lông tìm vết" một bản dịch nổi tiếng của một nhà thơ nổi tiếng mà là tập dượt cho HS làm quen với một thao tác nghiên cứu, bước đầu xây dựng thái độ làm việc khoa học. Làm được việc này có hiệu quả, nhất định HS sẽ hiểu và cảm nhận bài *Cảm xúc mùa thu* tốt hơn. Mặt khác, cũng cần cho HS hiểu rằng, dịch văn học nói chung, dịch thơ, đặc biệt là thơ cổ nói riêng là vô cùng khó khăn. Có được một bản dịch thơ cổ đạt một cách tuyệt đối cả yêu cầu "tín" và "nhã", hầu như là không thể. Không phải ngẫu nhiên mà phương Đông cũng như phương Tây đều thừa nhận rằng "dịch tất phản" (traduire, c'est trahir). Dĩ nhiên cũng có những bản dịch xuất sắc như bản dịch *Lầu Hoàng Hạc* của Tản Đà, bản dịch *Chinh phụ ngâm* hiện hành, ở đó có những câu vượt cả nguyên tác, song kể cả với những dịch phẩm ấy, cũng không khó chỉ ra những chỗ chưa thể hiện được tinh thần của nguyên tác.

– Trước hết cho HS hệ thống lại những nhận xét về bản dịch thơ trong quá trình phân tích. GV cũng có thể dành lại tất cả hoặc một số nhận xét đã nêu để tập trung vào phần này.



- Tiếp đó, cho nêu lên những điểm chưa đề cập. Vài ví dụ :

+ Ở câu 1, bản dịch đã thay đổi *cú pháp* của nguyên tác, biến *bổ ngữ* (rừng phong) thành *trạng ngữ*, chuyển *động từ* (làm tiêu điều, thương tổn) thành *tính từ* (lác đác),...

+ Ở câu 3, "lưng trời sóng gợn" chưa lột được "thần" của nguyên tác : "ba lãng kiềm thiên dũng" (sóng lớn vọt đến tận trời).

HS hệ thống lại, thậm chí nhắc lại đúng được vài điểm đã là tốt ; tự phát hiện được lại càng quý. Bên cạnh việc chỉ ra chỗ chưa đạt, chưa sát, HS có thể chỉ ra chỗ dịch đạt, hay dịch không sát nhưng lại lột được "thần" của câu thơ,... Về điểm nào đó, có tranh luận càng tốt. Ví dụ, về điểm vừa nêu ở câu 3, có thể có hai ý kiến khác nhau : 1 - có thể cho dịch thành chữ *rợn* là hay, vì sóng không thể vọt đến tận trời, hơn nữa lại tạo ra được không khí hãi hùng ; 2 - cũng có thể cho rằng, câu thơ tuy có phân phóng đại song vẫn rất chân thực vì từ điểm nhìn nào đó hoàn toàn có thể thấy sóng lớn như tiếp giáp với trời cao. Cái "thực" trong văn chương không phải bao giờ cũng y hệt như trong hiện thực. Cũng như Mạnh Hạo Nhiên viết : "Đã khoáng thiên đê thụ" (Đồng rộng nên trời thấp hơn cây). Hơn nữa, chữ "rợn" chưa đủ làm nổi bật tính chất vừa hoành tráng, vừa dữ dội của khung cảnh,...